

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 874/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 8 - 2018
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 370/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Thanh Q, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 114 đường Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Trần Ngọc Th, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 114 đường Ng, phường P, quận T, Thành phố H.

(Ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Th vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Nguyên đơn Dương Thanh Q trình bày:

Ông và bà Trần Ngọc Th tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 143/2000, quyển số 01 ngày 16/08/2000 của Ủy

ban nhân dân Phường 00, quận T, Thành phố H (Nay là phường Ph, quận T, Thành phố H).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân được 01 năm, trong thời gian ly thân không ai quan tâm gì đến ai. Trước đây ông có nộp đơn xin ly hôn với bà Trần Ngọc Th tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, nhưng vì muốn tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn nên ông rút đơn xin ly hôn và được Tòa án ra quyết định đình chỉ số 1052/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/11/2017. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Th.

2/ Tại bản từ khai và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/5/2018 bà Trần Ngọc Th trình bày:

Quá trình kết hôn, chung sống như lời ông Q trình bày.

Vợ chồng chung sống 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Th làm ăn thua lỗ, ông Q đã trả nợ thay cho bà và yêu cầu bà dừng công việc làm ăn lại nhưng vì không có tiền nên bà làm ăn lại và thiếu nợ, vì vậy ông Q quyết định ly hôn với bà. Bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 11/2017 đến nay. Nay trước yêu cầu ly hôn của ông Q thì bà không đồng ý, vì còn thương yêu chồng con, mong muốn gia đình đoàn tụ.

- Về con chung: Ông Q và bà Th xác định có 02 con chung tên Dương Thanh C, sinh ngày 08/12/2000 và Dương Thị Thủy T, sinh ngày 03/7/2007. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận giao con chung tên Dương Thị Thủy T, sinh ngày 03/7/2007 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, bà Th không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Ông Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng chung tên Dương Thanh C, sinh ngày 08/12/2000, ông Q không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà Trần Ngọc Th vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo qui định.

- Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bị đơn vắng mặt không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải

quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân được 01 năm. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa ông Q và bà Th đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2000, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 00, quận T, Thành phố H (Nay là phường Ph, quận T, Thành phố H) cấp ngày 16/8/2000 cho ông Dương Thanh Q và bà Trần Ngọc Th thì quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận, phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bà Th hiện đang cư trú tại quận T, Thành phố H nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bà Trần Ngọc Th đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên hòa giải, Giấy triệu tập đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 177, 208, 209, 210 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Th vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 31/7/2018 ông Dương Thanh Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo qui định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét việc ông Dương Thanh Q yêu cầu ly hôn với bà Trần Ngọc Th: Theo lời trình bày của ông Q trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và tính cách dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng trao đổi để hàn gắn nhưng không đạt kết quả.

Ông Q và bà Th đã sống ly thân được 01 năm nay, trong thời gian ly thân hai bên không có sự quan tâm chăm sóc cho nhau.

Bà Trần ngọc Th xác định quá trình chung sống, kết hôn như lời ông Q trình bày, tuy nhiên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bà Th làm ăn thua lỗ, dẫn đến nợ nần nên ông Q yêu cầu ly hôn với bà. Nay ông Q yêu thì bà Th không đồng ý vì bà còn yêu thương chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông Q và bà Th là trầm trọng, hiện nay ông bà đã ly thân, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Dương Thanh Q là có căn cứ và phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông Q và bà Th xác định có 02 con chung tên Dương Thanh C, sinh ngày 08/12/2000 và Dương Thị Thủy T, sinh ngày 03/7/2007. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận giao con chung tên Dương Thị Thủy T, sinh ngày 03/7/2007 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Thanh C, sinh ngày 08/12/2000.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Th và ông Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên chấp nhận. Hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Q và bà Th.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q và bà Th xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì ông Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 267, Điều 271; Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Thanh Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Thanh Q được ly hôn với bà Trần Thị Th. Quan hệ hôn nhân của Dương Thanh Q và bà Trần Ngọc Th (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2000, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 00, quận T, Thành phố H (Nay là phường Ph, quận T, Thành phố H) cấp ngày 16/8/2000) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Dương Thị Thủy T, sinh ngày 03/7/2007 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Dương Thanh C, sinh ngày 08/12/2000 cho ông Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của ông Q và bà Th do hai bên không yêu cầu.

Trong trường hợp bà Th hoặc ông Q không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông Q, bà Th hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông Q, bà Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Th, ông Q cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở một trong hai bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông Q hoặc bà Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng ông Dương Thanh Q chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Q đã nộp theo Biên lai thu số 0010972 ngày 19/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông Q đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Viện kiểm sát nhân dân
quận Tân Phú, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự
quận Tân Phú, TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân P.Phú Thọ Hòa,
Q.Tân Phú
- Lưu VP, hồ sơ (Hạnh).

Lê Viết Hoàng Lâm